

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.173.073.314.728	439.378.277.431
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	316.597.034.441	57.588.566.343
1. Tiền	111		203.363.669.441	36.488.566.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.233.365.000	21.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		275.519.850.109	106.048.324.909
1. Phải thu khách hàng	131	7	252.067.950.661	82.196.194.414
2. Trả trước cho người bán	132	8	23.678.937.107	24.711.036.678
3. Các khoản phải thu khác	135	9	2.039.493.613	1.407.625.089
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.266.531.272)	(2.266.531.272)
IV. Hàng tồn kho	140	10	548.848.401.239	219.588.427.668
1. Hàng tồn kho	141		548.848.401.239	219.944.427.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(356.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.978.028.939	56.022.958.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.916.583	172.597.019
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.880.518.537	45.239.298.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	4.511.290.250	5.254.769.794
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	5.335.303.569	5.356.293.103
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		120.113.794.435	126.030.759.061
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.410.257.501	33.410.257.501
1. Phải thu dài hạn khác	218	13	33.410.257.501	33.410.257.501
II. Tài sản cố định	220		27.531.787.961	26.687.848.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	21.460.658.357	20.566.892.836
- Nguyên giá	222		39.598.206.700	36.755.236.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.137.548.343)	(16.188.343.864)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.071.129.604	6.120.955.704
- Nguyên giá	228		6.688.651.502	6.688.651.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(617.521.898)	(567.695.798)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.425.939.758	65.349.918.078
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	9.919.922.558	9.919.922.558
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16, 17	(86.493.982.800)	(79.570.004.480)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		745.809.215	582.734.942
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		745.809.215	582.734.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.293.187.109.163	565.409.036.492

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.096.318.660.070	373.754.528.931
I. Nợ ngắn hạn	310		1.096.318.660.070	373.754.528.931
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	1.037.278.048.645	286.309.494.620
2. Phải trả người bán	312	19	46.900.510.234	75.537.116.301
3. Người mua trả tiền trước	313		9.240.487.229	9.413.422.347
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	548.189.044	316.036.230
5. Phải trả người lao động	315		7.766.342	4.954.540
6. Chi phí phải trả	316		338.951.632	207.905.676
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.899.217.464	1.786.709.737
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		105.489.480	178.889.480
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		196.868.449.093	191.654.507.561
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	196.868.449.093	191.654.507.561
1. Vốn điều lệ	411		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.634.688.169	55.634.688.169
3. Cổ phiếu quỹ	414		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		180.315.826	180.315.826
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.856.135.042	7.856.135.042
6. Lỗ lũy kế	420		(6.370.405.835)	(11.584.347.367)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.293.187.109.163	565.409.036.492

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	30/6/2015	31/12/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	3.305.581.500
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.851.384.265	4.851.384.265
3. Ngoại tệ các loại			
USD	USD	9.134.568	1.281.197
EUR	EUR	7.220	5.620

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Trần Lê Phong
 Người lập biểu

Lê Thúy Đào
 Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng	01		1.950.101.140.034	2.131.075.031.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.831.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	23	1.950.101.140.034	2.131.071.199.491
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.884.569.077.753	2.043.128.132.736
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		65.532.062.281	87.943.066.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	9.071.894.367	5.223.664.000
7. Chi phí tài chính	22	26	22.418.796.323	24.089.721.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.160.304.259	8.936.459.269
8. Chi phí bán hàng	24		39.105.613.336	48.098.010.041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.753.717.064	11.732.493.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.325.829.925	9.246.506.564
11. Thu nhập khác	31		42.188.854	196.208.266
12. Chi phí khác	32		154.077.247	242.049
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(111.888.393)	195.966.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.213.941.532	9.442.472.781
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.213.941.532	9.442.472.781

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 02 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Tòa nhà PJICO, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Và 01 chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 88 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 85).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư 200, trong đó, cho phép doanh nghiệp lựa chọn áp dụng Thông tư 200 hoặc Quyết định 15 khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) của năm 2015. Công ty đã lựa chọn áp dụng Quyết định 15 thay cho Thông tư 200 trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015
	đến ngày 30/6/2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư vào các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được các lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các đơn vị khác với tỷ lệ đầu tư dưới 20% và cho mục đích nắm giữ lâu dài. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 6,4 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: khoảng 11,6 tỷ đồng), có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	63.102.557	502.635.782
Tiền gửi ngân hàng	203.300.566.884	35.985.930.561
Các khoản tương đương tiền (i)	113.233.365.000	21.100.000.000
	<u>316.597.034.441</u>	<u>57.588.566.343</u>

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	410.000.000	410.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(280.000.000)	(280.000.000)
	<u>130.000.000</u>	<u>130.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước		
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	8.632.007.101	6.628.979.762
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	8.342.108.712	2.842.471.668
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Vạn Vạn Thông	3.848.360.042	3.849.431.042
Công ty Cổ phần Trà Phí	3.383.370.000	3.521.900.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	2.780.665.793	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	2.633.676.082	3.301.194.003
Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hoàng Lâm	-	3.461.515.168
Các khách hàng trong nước khác	12.509.054.305	12.295.664.794
Khách hàng nước ngoài		
Công ty Sa Rawther Spices P Ltd. (Ấn Độ)	64.293.471.000	-
Công ty Conagra Foods - Food Ingredients Dba Spicetec, Flavors & Seasonings (Mỹ)	28.423.614.384	-
Công ty Ach Food Companies (Anh)	11.643.925.590	-
Công ty Uk Spice And Ingredients Ltd (Anh)	8.373.744.621	-
Công ty North Trail Limited (Nga)	7.579.636.020	-
Công ty Assma (Ấn Độ)	6.197.444.550	-
Công ty Chesapeake Spice (Mỹ)	5.798.925.000	5.689.762.500
Công ty Agence Netter (Pháp)	5.645.376.000	-
Công ty Antarctic Ii (Pháp)	5.390.550.000	-
Công ty Acor Sp Z O O (Ba Lan)	4.974.007.500	-
Công ty Ab Mauri India Private Limited (Ấn Độ)	4.774.176.000	-
Công ty Capemax Commercial L.P. (Scotland)	3.932.701.344	-
Công ty Private Enterprise "Sps" (Ukraine)	3.581.269.718	-
Công ty Bulgar Luk Ltd (Bulgaria)	3.479.355.000	-
Công ty Eurosa Pacific Limited (Trung Quốc)	3.478.723.380	-
Công ty S.Tzanidis S.A (Hy Lạp)	3.327.766.200	-
Công ty P.S.E.M (Mỹ)	3.099.267.864	-
Công ty Anatoli Spices Sa (Hy Lạp)	3.024.022.320	-
Công ty Aliments Medaillon Foods (Canada)	2.519.040.170	2.864.977.384
Công ty Schiff Food Products (Mỹ)	38.027.880	5.759.215.000
Công ty Qingdao International Rubber Exchange Market (Trung Quốc)	-	6.392.671.806
Công ty Drogheria & Alimentari (Italia)	-	3.771.805.000
Công ty McCormick Global Ingredients (Mỹ)	-	3.745.429.077
Công ty Frutarom (Israel)	-	3.006.759.000
Công ty Altius Spices and Seasonings (Canada)	-	2.559.271.200
Công ty Service Industries (Parkistan)	-	2.314.114.560
Công ty Qingdao Free Trade Zone Jianuo International Trade (Trung Quốc)	-	2.290.864.000
Các khách hàng nước ngoài khác	30.363.664.085	7.900.168.450
	<u>252.067.950.661</u>	<u>82.196.194.414</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một phần số dư các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị đủ để đảm bảo cho số dư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 14.1070101/HĐTCQTS ngày 31 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	16.974.609.671	14.477.400.000
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	3.889.174.532	4.533.174.532
Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Phát	-	2.345.360.000
Các đối tượng khác	2.815.152.904	3.355.102.146
	<u>23.678.937.107</u>	<u>24.711.036.678</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	834.625.105	616.257.655
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Tài sản thiếu chờ xử lý	239.806.766	-
Lãi dự thu	138.396.335	41.737.500
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ công nhân viên	137.661.104	151.110.317
Phải thu khác	357.768.401	267.283.715
	<u>2.039.493.613</u>	<u>1.407.625.089</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.333.203.331	7.015.120.569
Nguyên liệu, vật liệu	3.723.480.217	4.286.123.405
Công cụ, dụng cụ	202.383.818	203.065.008
Thành phẩm	-	1.749.017.531
Hàng hóa (i)	522.066.878.653	202.168.620.935
Hàng hóa bất động sản	1.310.455.220	1.310.455.220
Hàng gửi đi bán	13.212.000.000	3.212.025.000
Cộng	<u>548.848.401.239</u>	<u>219.944.427.668</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(356.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>548.848.401.239</u>	<u>219.588.427.668</u>

(i) Hàng hóa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm các mặt hàng tiêu, sắt thép và hạt nhựa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một phần số dư hàng tồn kho với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 đủ để đảm bảo cho số dư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 14.1070102/HĐTCHH ngày 31 tháng 10 năm 2014.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.207.527	4.270.207.527
Thuế giá trị gia tăng	50.155.159	813.968.218
Thuế thu nhập cá nhân	110.953.682	90.620.167
Các khoản khác phải thu Nhà nước	79.973.882	79.973.882
	<u>4.511.290.250</u>	<u>5.254.769.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	5.329.003.569	5.349.993.103
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
	<u>5.335.303.569</u>	<u>5.356.293.103</u>

13. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty, bao gồm gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex trong năm 2014. Công ty đã cam kết không thu hồi lại trong khoảng thời gian 3 năm kể từ ngày thanh toán.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	13.972.261.355	18.864.847.863	3.155.703.977	762.423.505	36.755.236.700
Mua trong kỳ	2.618.700.000	354.500.000	-	-	2.973.200.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(130.230.000)	-	-	(130.230.000)
Tại ngày 30/6/2015	<u>16.590.961.355</u>	<u>19.089.117.863</u>	<u>3.155.703.977</u>	<u>762.423.505</u>	<u>39.598.206.700</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.423.483.768	4.840.006.010	2.389.828.307	535.025.779	16.188.343.864
Khấu hao trong kỳ	749.290.860	1.053.970.767	146.127.126	65.923.074	2.015.311.827
Thanh lý, nhượng bán	-	(66.107.348)	-	-	(66.107.348)
Tại ngày 30/6/2015	<u>9.172.774.628</u>	<u>5.827.869.429</u>	<u>2.535.955.433</u>	<u>600.948.853</u>	<u>18.137.548.343</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	<u>7.418.186.727</u>	<u>13.261.248.434</u>	<u>619.748.544</u>	<u>161.474.652</u>	<u>21.460.658.357</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.548.777.587</u>	<u>14.024.841.853</u>	<u>765.875.670</u>	<u>227.397.726</u>	<u>20.566.892.836</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.760.210.391 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.760.210.391 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.166.810.366 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.598.017.826 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	5.771.373.002	917.278.500	6.688.651.502
Tại ngày 30/6/2015	<u>5.771.373.002</u>	<u>917.278.500</u>	<u>6.688.651.502</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	567.695.798	567.695.798
Khấu hao trong kỳ	-	49.826.100	49.826.100
Tại ngày 30/6/2015	<u>-</u>	<u>617.521.898</u>	<u>617.521.898</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	<u>5.771.373.002</u>	<u>299.756.602</u>	<u>6.071.129.604</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.771.373.002</u>	<u>349.582.702</u>	<u>6.120.955.704</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 419.017.500 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.205.192.140 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.205.192.140 đồng).

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty con trên được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Số tiền đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	tại ngày 30/6/2015	tại ngày 31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	135.000.000.000	135.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(86.249.716.177)	(79.570.004.480)
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(86.249.716.177)	(79.570.004.480)
Giá trị đầu tư thuần	48.750.283.823	55.429.995.520

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.300.000.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
Cộng	9.919.922.558	9.919.922.558
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(244.266.623)	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	(244.266.623)	-
Giá trị đầu tư thuần	9.675.655.935	9.919.922.558

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	1.037.278.048.645	286.309.494.620
	1.037.278.048.645	286.309.494.620

Công ty vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay được thực hiện dưới hình thức tín chấp và thế chấp tài sản, thời hạn và lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ, số dư tiền vay chi tiết theo ngân hàng như sau:

	30/6/2015	31/12/2014	Phương thức
	VND	VND	đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	369.833.050.580	125.552.930.494	Tín chấp
- Chi nhánh Sài Gòn			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	291.582.656.403	114.145.858.766	Tín chấp và Thế
- Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)			chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	253.451.019.922	46.610.705.360	Thế chấp tài sản
- Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	122.411.321.740	-	Tín chấp
- Chi nhánh Sài Gòn			
	1.037.278.048.645	286.309.494.620	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/HĐTDSĐBS ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Hợp đồng tín dụng số 0108/KH/13NH ngày 13 tháng 5 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng có thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn trên bao gồm:
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng và nhà kho Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
 - Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m², tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị sản xuất sơn của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex, công ty con của Công ty tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 14.1070043/2014-HĐTĐHM/NHCT900-PITCO ngày 31 tháng 10 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng có thời hạn từ ngày 31 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 5 năm 2015. Công ty không vay thêm sau ngày 31 tháng 5 năm 2015 và tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đang trong quá trình đàm phán để gia hạn hợp đồng vay. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biện pháp bảo đảm của khoản vay là các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị đủ để đảm bảo cho số dư tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại mọi thời điểm theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 14.1070101/HĐTCQTS và Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 14.1070102/HĐTCHH ngày 31 tháng 10 năm 2014.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Bahru Stainless SDN BHD (Malaysia)	21.678.280.866	56.889.683.267
Công ty Komax Techno Corp (Hàn Quốc)	8.333.203.331	-
Công ty Acerinox Europa (Tây Ban Nha)	4.776.933.348	2.470.594.248
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	2.201.102.000	2.178.230.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	1.402.927.920	3.379.862.240
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN BHD (Malaysia)	-	5.096.172.284
Các đối tượng khác	8.508.062.769	5.522.574.062
	<u>46.900.510.234</u>	<u>75.537.116.301</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	31.295.372	286.472.588
Thuế xuất nhập khẩu	516.350.172	29.419.842
Thuế thu nhập cá nhân	543.500	143.800
	<u>548.189.044</u>	<u>316.036.230</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	99.369.051	-
Cổ tức phải trả	524.488.250	524.488.250
Khách hàng đặt cọc mua nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả khác	275.360.163	262.221.487
	<u>1.899.217.464</u>	<u>1.786.709.737</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	7.856.135.042	(22.772.657.934)	180.466.196.994
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.464.994.017	13.464.994.017
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	23.678.900.000	(23.678.900.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.276.683.450)	(2.276.683.450)
Tại ngày 31/12/2014	<u>151.993.450.000</u>	<u>55.634.688.169</u>	<u>(12.425.734.109)</u>	<u>180.315.826</u>	<u>7.856.135.042</u>	<u>(11.584.347.367)</u>	<u>191.654.507.561</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.213.941.532	5.213.941.532
Tại ngày 30/6/2015	<u>151.993.450.000</u>	<u>55.634.688.169</u>	<u>(12.425.734.109)</u>	<u>180.315.826</u>	<u>7.856.135.042</u>	<u>(6.370.405.835)</u>	<u>196.868.449.093</u>

Cổ phiếu:

	Đơn vị	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>15.199.345</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>14.210.225</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày <u>30/6/2015</u>	Vốn góp tại ngày <u>31/12/2014</u>
		VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	71.937.340.000
	<u>100%</u>	<u>151.993.450.000</u>	<u>151.993.450.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu xuất khẩu	1.604.417.875.191	1.769.334.761.338
Doanh thu nội địa	345.683.264.843	361.740.269.753
	1.950.101.140.034	2.131.075.031.091
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	3.831.600
Doanh thu thuần về bán hàng	1.950.101.140.034	2.131.071.199.491

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn xuất khẩu	1.552.790.336.509	1.697.968.666.787
Giá vốn hàng bán nội địa	331.778.741.244	345.159.465.949
	1.884.569.077.753	2.043.128.132.736

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	766.892.109	771.594.966
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.306.937.814	1.964.311.980
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.779.695.690	2.282.736.832
Lãi trả chậm	218.367.450	203.889.850
Doanh thu tài chính khác	1.304	1.130.372
	9.071.894.367	5.223.664.000

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.160.304.259	8.936.459.269
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.923.978.320	11.295.831.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.287.029.327	719.635.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.047.484.417	3.128.213.473
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	9.581.015
	22.418.796.323	24.089.721.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	5.213.941.532	9.442.472.781
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	3.331.213.853	1.964.311.980
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.306.937.814	1.964.311.980
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	1.024.276.039	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	156.285.200	90.800.000
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia điều hành	156.285.200	90.800.000
Chuyển lỗ	(2.039.012.879)	(11.745.272.962)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	22%	22%

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	757.347.658	983.305.908
Chi phí nhân công	8.404.857.194	11.515.375.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.065.137.927	1.929.305.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.575.758.923	48.227.163.510
Chi phí khác bằng tiền	92.744.095	2.356.040.813
	<u>50.895.845.797</u>	<u>65.011.190.460</u>

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.037.278.048.645	286.309.494.620
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	316.597.034.441	57.588.566.343
Nợ thuần	720.681.014.204	228.720.928.277
Vốn chủ sở hữu	196.868.449.093	191.654.507.561
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,66</u>	<u>1,19</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.597.034.441	57.588.566.343
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	284.987.984.609	114.596.435.415
Đầu tư dài hạn	9.675.655.935	9.919.922.558
Tổng cộng	611.390.674.985	182.234.924.316
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.037.278.048.645	286.309.494.620
Phải trả người bán và phải trả khác	48.700.358.647	77.323.826.038
Chi phí phải trả	338.951.632	207.905.676
Tổng cộng	1.086.317.358.924	363.841.226.334

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 13 tỷ đồng. Trong đó, giá trị phải thu quá hạn thanh toán đã lập dự phòng là khoảng 2,3 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và cho rằng các khoản phải thu quá hạn nêu trên có thể thu hồi được trong tương lai gần và khách hàng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số phải thu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.597.034.441	-	316.597.034.441
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	251.577.727.108	33.410.257.501	284.987.984.609
Đầu tư dài hạn	-	9.675.655.935	9.675.655.935
	<u>568.304.761.549</u>	<u>43.085.913.436</u>	<u>611.390.674.985</u>
30/6/2015			
Các khoản vay	1.037.278.048.645	-	1.037.278.048.645
Phải trả người bán và phải trả khác	48.700.358.647	-	48.700.358.647
Chi phí phải trả	338.951.632	-	338.951.632
	<u>1.086.317.358.924</u>	<u>-</u>	<u>1.086.317.358.924</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(518.012.597.375)</u>	<u>43.085.913.436</u>	<u>(474.926.683.939)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	689.103.230.968	353.138.509.371	408.889.607.680	73.674.233.682
Euro (EUR)	374.742.886.654	-	174.745.217	145.411.880

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		2014
	VND		VND
Đô la Mỹ (USD)	(28.021.362.329)	(27.946.427.569)	
Euro (EUR)	(37.456.814.144)	14.541.188	

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp phòng ngừa được rủi ro nêu trên.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.588.566.343	-	57.588.566.343
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.186.177.914	33.410.257.501	114.596.435.415
Đầu tư dài hạn	-	9.919.922.558	9.919.922.558
	138.904.744.257	43.330.180.059	182.234.924.316
31/12/2014			
Các khoản vay	286.309.494.620	-	286.309.494.620
Phải trả người bán và phải trả khác	77.323.826.038	-	77.323.826.038
Chi phí phải trả	207.905.676	-	207.905.676
	363.841.226.334	-	363.841.226.334
Chênh lệch thanh khoản thuần	(224.936.482.077)	43.330.180.059	(181.606.302.018)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản tài chính của Công ty nhỏ hơn công nợ tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
		VND	VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	2.527.877.994	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	2.371.432.727	3.324.820.452
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	1.739.000	-
Công ty TNHH Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	16.026.810.961	33.892.141.569
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên của Petrolimex	5.534.851.480	16.912.173.860
Công ty TNHH Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	5.360.057.101	16.909.299.390
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	993.202.720	1.542.119.240
Lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	1.880.376.585	1.700.089.980
Lãi trả chậm			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	218.367.450	203.889.850
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.594.332.200	1.922.345.471



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công nợ phải thu			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	2.780.665.793	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	2.633.676.082	3.301.194.003
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	16.974.609.671	14.477.400.000
Công ty TNHH Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	343.007.503	887.768.158
Công nợ phải trả			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên của Petrolimex	617.341.032	-
Công ty TNHH Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	277.270.290	388.677.014
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	2.432.000	3.171.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	663.986
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	52.900.025
Công ty TNHH Xăng dầu Khu vực II - Xí nghiệp Bán lẻ	Thành viên của Petrolimex	-	33.504.100

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét.


Trần Lê Phong
Người lập biểu


Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2015